TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Ngọc Thắm;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1990, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 112/6 Khu phố Long T, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1 (Một), xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà N và ông V có thời gian tìm hiểu và kết hôn nhân 2011. Đến năm 2012, hôn nhân mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã (thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Lý do xin ly hôn: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V không chăm lo cho gia đình, hay nhậu nhẹt và có người phụ nữ bên ngoài. Vợ chồng ly thân khoảng 05 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

- Về nuôi con: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng N (nữ), sinh ngày 11/02/2012 và Nguyễn Hoàng Khánh V (nữ), sinh ngày 01/8/2015. Hiện nay các người con đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hết hai người con, không yêu cầu ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Quá trình chung sống, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng V*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông V không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà N yêu cầu ly hôn, nuôi con, việc cấp dưỡng, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông V vẫn vắng mặt 02 lần không lý do.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng V đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Lê Thị Kim N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V, yêu cầu nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông V cư trú tại ấp 1 (Một), xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị Kim N có đơn xin vắng phiên xét xử đề ngày 03/6/2020 vì đang chăm sóc hai con còn nhỏ và bận đi làm tại Công ty ZengHsing, địa chỉ: đường số 6, Khu công nghiệp Vishipl 1 T, tỉnh Bình Dương, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của bà N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Hoàng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (lần 02) không lý do nên xét xử vắng mặt ông V theo khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà N và ông V có thời gian tìm hiểu và kết hôn nhân 2011. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã (thành phố) T, tỉnh Bình Dương ngày 08/3/2012. Giấy chứng nhật kết hôn số 16, quyển số: 01/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng V được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà N cho rằng cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông V không chăm lo cho gia đình, hay nhậu nhẹt, vợ chồng mất lòng tin về lòng chung thủy dẫn đến mất hạnh phúc. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông V không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn

bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà N chứng tỏ ông V không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông V đã đến mức trầm trọng, cả hai đương sự vẫn duy trì tình trạng ly thân khoảng 05 năm và không giải quyết được mâu thuẫn. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim N đối với ông Nguyễn Hoàng V theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có 02 người con chung;

+ Nguyễn Hoàng N Khánh (nữ), sinh ngày 11/02/2012.

+ Nguyễn Hoàng Khánh V (nữ), sinh ngày 01/8/2015.

Hiện nay các người con đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hết hai người con. Ngày 03/6/2020 Tòa án tiến hành ghi lời trình bày của cháu N, nguyện vọng của cháu muốn được sống với mẹ là bà N. Ông V không có văn bản phản đối ý kiến của bà N. Xét thấy yêu cầu nuôi con của bà N là chính đáng, thực tế từ khi bà các đương sự ly thân cho đến nay thì các cháu N và Khánh V đều sống với mẹ, cuộc sống vẫn được đảm bảo mọi mặt, ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của bà N, giao N và Khánh V cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu về các vấn đề nêu trên nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Lê Thị Kim N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Kim N ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

Về nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Hoàng N (nữ), sinh ngày 11/02/2012 và Nguyễn Hoàng Khánh V (nữ), sinh ngày 01/8/2015 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ th ẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007153 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan tiến hành việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền